

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai
2. Ông Huỳnh Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Lê Văn T (tên gọi khác Trí M), sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm Tr, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện tại: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Văn T tự quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2001. Hôn nhân có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định

pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 28/6/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra. Hiện cả hai đã ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ly hôn với anh Lê Văn T;

- Về con chung: Cả hai có với nhau ba con chung Lê Tuấn Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2007; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013 và Lê Ngọc Nh, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 28 tháng 5 năm 2021:

Chị Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Lê Văn T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Lê Văn T. Anh T có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 28 tháng 6 năm 2018. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, không lo kinh tế gia đình, không hỗ trợ chị chăm sóc con cái và còn có hành vi bạo lực đối với chị.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa chị Th và anh T; anh, chị lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản trình bày ý

kiến gửi Tòa án, không tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân giữa anh, chị. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của anh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th với anh T.

[3.2] Về con chung: Chị Th trình bày chị và anh T có ba con chung Lê Tuấn Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2007; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013 và Lê Ngọc Nh, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015. Hiện chị đang chăm sóc ba con chung. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Đ, cháu T ngày 25 tháng 3 năm 2021 thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do anh T không có văn bản thể hiện yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung và cũng không tranh chấp việc nuôi con với chị Th nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của ba con chung. Hội đồng xét xử quyết định giao ba con chung Lê Tuấn Đ, sinh ngày 19/9/2007; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 09/5/2013 và Lê Ngọc Nh, sinh ngày 21/11/2015 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Th phải tạo điều kiện cho anh T trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Yêu cầu của chị Th không trái quy định pháp luật tuy nhiên chị Th không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể mà chỉ yêu cầu xem xét theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương ứng bằng 745.000đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) (Mức lương cơ sở hiện tại bằng 1.490.000đồng) đến lúc trưởng thành. Mức cấp dưỡng sẽ thay đổi theo mức lương cơ sở. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2021.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Chị Th trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị Th và anh T phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật. Anh T phải nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th với anh Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 91 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Th và Lê Văn T ngày 26 tháng 8 năm 2018 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Lê Tuấn Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2007; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013 và Lê Ngọc Nh, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2015 giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.

Chị Th phải tạo điều kiện cho anh T trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương ứng bằng 745.000đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) (Mức lương cơ sở hiện tại bằng 1.490.000đồng) đến lúc trưởng thành. Mức cấp dưỡng sẽ thay đổi theo mức lương cơ sở. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2021.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002039 ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Chị Th đã nộp đủ.

Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thị Bé Thu